

Số: 58.../NQ-PVI

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT
HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PVI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100151161 thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/02/2023;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần PVI (PVI);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI được ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-PVI ngày 28/04/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 02/BB-HĐQT ngày 07/06/2024,

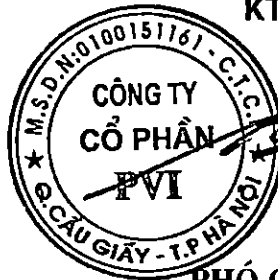
QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế Công bố Thông tin của Công ty Cổ phần PVI.
- Điều 2:** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Ban Quản trị Doanh nghiệp, Giám đốc/Trưởng các Ban/Trung tâm, Người đại diện PVI tại các Công ty/Quỹ đầu tư có vốn góp của PVI chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trưởng BKS (để biết);
- Lưu VT, QTDN, 02.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
Dương Thanh Danh Francois

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà Nội – Tháng 06/2024

PL.01.06.NB Tài liệu Nội bộ: Không được phép trao đổi với các đối tượng không là nhân sự của PVI.

A handwritten signature in black ink, appearing to be a stylized 'B' or similar character.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 3. Đối tượng áp dụng	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ và viết tắt	2
4.1. Giải thích từ ngữ:.....	2
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin.....	4
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin	5
CHƯƠNG II – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
Điều 8. Công bố thông tin theo quy định pháp luật	5
CHƯƠNG III – QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
Điều 10. Cung cấp và Xử lý thông tin	6
Điều 11. Báo cáo và công bố thông tin	6
Điều 12. Lưu trữ thông tin	6
Điều 14. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG IV – TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	7
Điều 15. Trách nhiệm của các bộ phận liên quan.....	7
Điều 16. Trách nhiệm của Người công bố thông tin và bộ phận công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG V – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	7
Điều 17. Hiệu lực.....	7

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty cổ phần PVI (gọi tắt là "**Công ty**") và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Hệ thống hóa các nội dung liên quan đến công bố thông tin được quy định trong các văn bản pháp luật để việc công bố thông tin của PVI được đầy đủ, kịp thời, chính xác, minh bạch.
3. Quy định quy trình và trách nhiệm của các bộ phận tại PVI trong việc công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ pháp luật và việc công bố thông tin được kiểm soát chặt chẽ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên các phương tiện thông tin đại chúng của Công ty cổ phần PVI. Đồng thời, quy định việc phối hợp thực hiện giữa các công ty con, các Ban/Trung tâm, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các thông tin công bố, cụ thể:
 - Công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định liên quan đến hoạt động của công ty niêm yết, công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư. Sau đây gọi là "*Công bố thông tin theo Luật chứng khoán*".
 - Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình và các đối tượng khác không thuộc công bố thông tin theo Luật chứng khoán. Sau đây gọi là "*Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng*".
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên các phương tiện thông tin đại chúng của PVI bao gồm:
 - Người thực hiện công bố thông tin;
 - Bộ phận phụ trách công bố thông tin;
 - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Giám đốc/ Trưởng các Ban/Trung tâm của PVI;
 - Các công ty con của PVI;
 - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và viết tắt

4.1. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

PL.01.06.NB Tài liệu Nội bộ: Không được phép trao đổi với các đối tượng không là nhân sự của PVI. 2

1. **PVI hoặc Công ty:** là Công ty cổ phần PVI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần PVI số 0100151161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/06/2011.
2. **Công ty con:** bao gồm các doanh nghiệp khác mà PVI nắm quyền sở hữu chi phối theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. **Người nội bộ:** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty bao gồm: Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức năng quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty và người được ủy quyền công bố thông tin.
4. **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với PVI trong các trường hợp sau đây:
 - Người nội bộ của PVI, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của PVI, Kiểm soát viên và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của PVI;
 - Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của PVI;
 - PVI và tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức và cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi PVI hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con và các cá nhân được ủy quyền;
 - Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Doanh nghiệp trong đó các cá nhân, công ty, tổ chức nêu trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định.
5. **Người quản lý:** là Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức năng quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch.
6. **Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin** bao gồm:
 - a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan trong nước hoặc nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

7. **Ngày công bố thông tin** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

4.2. Từ viết tắt

- HĐQT : **Hội đồng Quản trị**
- TGĐ : **Tổng Giám đốc**
- PTGD : **Phó Tổng giám đốc**
- Ban QTDN : **Ban Quản trị Doanh nghiệp**
- Ban NSHC : **Ban Nhân sự Hành chính**
- CBTT : **Công bố Thông tin**

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi có yêu cầu bắt buộc của pháp luật và trong trường hợp cần thiết khác nếu được chủ thể dữ liệu đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin theo Luật chứng khoán phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi PVI đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt – Anh tùy theo yêu cầu của Pháp luật hoặc đặc thù của nội dung công bố.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. PVI thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện

công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

3. Công ty phải báo cáo thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính.

4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức khác hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b) Trang thông tin điện tử hoặc phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;
- c) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d) Trang thông tin điện tử của Công ty: www.pviholdings.com.vn;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Cách thức báo cáo, công bố thông tin theo Luật chứng khoán trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

CHƯƠNG II – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Công bố thông tin theo quy định pháp luật

Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và các thông tin khác theo quy định tại Phụ lục của Quy chế này, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 9: Công bố thông tin khác trên các phương tiện thông tin đại chúng

Khi phát sinh các thông tin, sự việc mà xét thấy:

- Có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh, thương hiệu, uy tín của PVI như: Giải thưởng, Thành tích, Danh hiệu...;
- Có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến hình ảnh, thương hiệu, uy tín của PVI như sự cố, vi phạm, khiếu nại, thông báo từ các cơ quan quản lý nhà nước... và/ hoặc;
- PVI thấy cần/nên chủ động công bố thông tin.

Các Đơn vị/Ban/Bộ phận sở hữu thông tin khi phát sinh thông tin thuộc các trường hợp nêu

trên chủ động trao đổi với Bộ phận phụ trách truyền thông xem xét tính chất mức độ quan trọng của thông tin, nếu xét thấy cần thực hiện công bố thông tin thì báo cáo TGD/PTGD phụ trách hoặc Người phụ trách công bố thông tin phê duyệt nội dung trước khi thực hiện công bố thông tin.

CHƯƠNG III – QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Cung cấp và Xử lý thông tin

1. Khi phát sinh vấn đề hoặc nội dung cần công bố thông tin theo quy định, các cá nhân/bộ phận liên quan phải ngay lập tức thông báo cho bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty theo thời gian quy định của từng loại thông tin phải công bố.
2. Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, bộ phận phụ trách công bố thông tin thực hiện theo trình tự:
 - Kiểm tra thông tin;
 - Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
 - Soạn thảo văn bản và biểu mẫu công bố thông tin theo quy định;
 - Bộ phận phụ trách công bố thông tin theo chức năng nhiệm vụ trình lãnh đạo theo thẩm quyền phụ trách để xem xét, phê duyệt nội dung công bố thông tin.

Điều 11. Báo cáo và công bố thông tin

1. Sau khi nội dung công bố thông tin được phê duyệt, bộ phận phụ trách công bố thông tin thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
2. Sau khi thông tin được công bố, trong trường hợp các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin có sai lệch so với thông tin của PVI, bộ phận phụ trách CBTT có trách nhiệm phối hợp với bộ phận phát sinh thông tin để thực hiện điều chỉnh nội dung thông tin kịp thời.
3. Nếu nội dung thông tin sai lệch được xem là có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến PVI như thông báo/lệnh/quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về vi phạm và điều tra tội phạm đối với nhân viên, hủy bỏ/thu hồi giấy phép của công ty, bị yêu cầu bồi thường thiệt hại và/hoặc tiền phạt dự kiến từ 1 tỷ đồng trở lên trên 1 vụ việc, hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của PVI trên phạm vi toàn cầu..., bộ phận phụ trách CBTT phải báo cáo TGD/PTGD Phụ trách/Người phụ trách CBTT để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Điều 12. Lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi công bố sẽ được lưu trữ nhằm phục vụ hoạt động tham khảo, tra cứu và kiểm tra khi cần thiết:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 13. Quy trình công bố thông tin

Quy trình Công bố Thông tin được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Quy chế này

Điều 14. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (ví dụ như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác) và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV – TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Trách nhiệm của các bộ phận liên quan

1. Theo dõi và thực hiện đúng quy trình thực hiện báo cáo và công bố thông tin;
2. Phối hợp và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành;
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của những thông tin đã cung cấp cho bộ phận công bố thông tin.

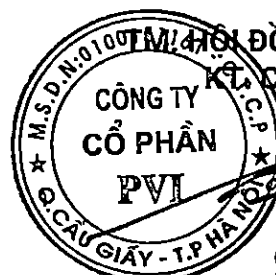
Điều 16. Trách nhiệm của Người công bố thông tin và bộ phận công bố thông tin

Người thực hiện công bố thông tin và bộ phận phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật một cách cẩn trọng, trung thực, kịp thời.

CHƯƠNG V – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực

1. Ban Tổng giám đốc, các Ban/Trung tâm, cán bộ nhân viên PVI và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
4. Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần PVI bao gồm 5 Chương, 17 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



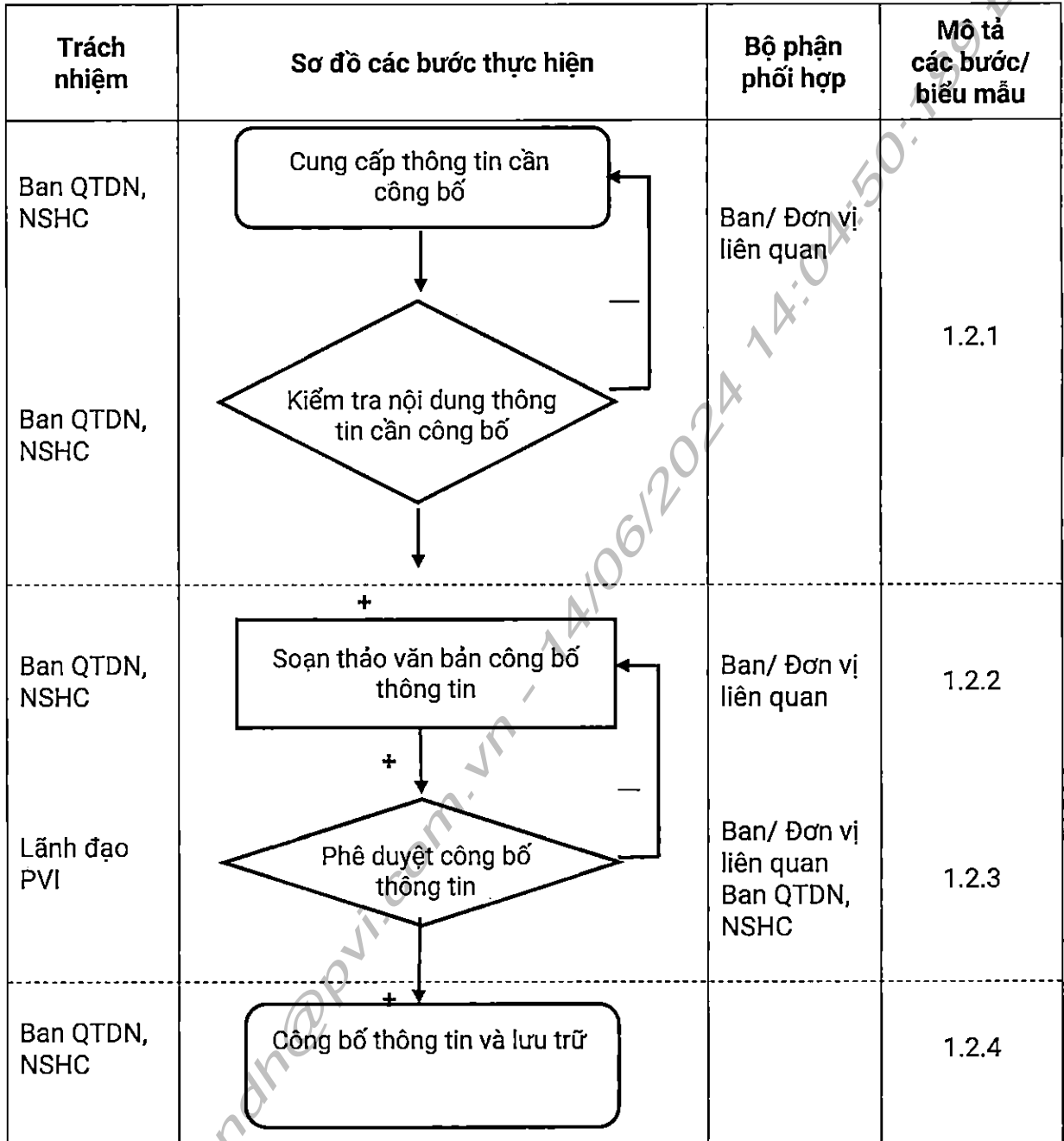
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Dương Chanh Danh Francois

PHỤ LỤC 01: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.1. Sơ đồ quy trình



1.2. Diễn giải sơ đồ

1.2.1. Cung cấp thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này, Đơn vị/Ban/Bộ phận chức năng sở hữu thông tin cung cấp thông tin cho bộ phận phụ trách công bố thông tin của PVI, cụ thể như sau:

- Ban QTDN: CBTT theo quy định của Pháp luật chi tiết như Điều 8
- Ban NSHC: CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng chi tiết như Điều 9

1.2.2. Kiểm tra soát xét và soạn thảo văn bản CBTT

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, bộ phận phụ trách công bố thông tin thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra thông tin;
- Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản và biểu mẫu công bố thông tin theo quy định;
- Thông tin trước khi trình lãnh đạo phê duyệt để công bố chính thức phải được các bộ phận có liên quan xem xét lại về tính chính xác và đầy đủ của thông tin.

1.2.3. Phê duyệt

Bộ phận phụ trách công bố thông tin theo chức năng nhiệm vụ được giao báo cáo và trình lãnh đạo theo thẩm quyền (TGD/PTGD Phụ trách/ Người phụ trách CBTT) để xem xét, phê duyệt về hình thức và nội dung công bố thông tin.

1.2.4 Công bố thông tin và lưu trữ

Sau khi thông tin được lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt, bộ phận phụ trách CBTT sẽ thực hiện CBTT theo quy định.

Trong trường hợp các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin có sai lệch so với thông tin của PVI, bộ phận phụ trách CBTT có trách nhiệm phối hợp với bộ phận phát sinh thông tin hoặc báo cáo TGD/PTGD Phụ trách/Người phụ trách CBTT để xin ý kiến chỉ đạo và thực hiện điều chỉnh nội dung thông tin kịp thời.

Sau khi hoàn thành việc CBTT, bộ phận phụ trách CBTT lưu trữ văn bản theo quy định tại Quy chế này và các Quy chế, Quy định khác có liên quan.

PHỤ LỤC 02: CÁC NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Ghi chú:

Thông tin được công bố tại:

- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Ban TCKH	Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
2	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		Báo cáo tài chính công bố bao gồm: báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
3	Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.		Khi công bố Báo cáo tài chính, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị

Stt	Nội dung chính công bố thông tin	Thời hạn	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
				lỗi, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Ban NSHC	Thông tin trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán và Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Ban QTDN	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
6	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:		Ban QTDN	
6.1	Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp		
6.2	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết		
7	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC		Các ban liên quan theo từng nội dung	

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG VÀ THEO YÊU CẦU

Ghi chú:

1. Thông tin được công bố tại:

- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

2. Thông tin dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

3. Khi công bố thông tin về các sự kiện dưới đây, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
1	Giải trình Báo cáo tài chính của Công ty	Ban TCKH
2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Ban TCKH
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Ban TCKH/NSHC
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Ban QTDN

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Ban QTDN
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Ban QTDN
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Ban QTDN/TCKH/NSHC
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Ban TCKH
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty	Ban QTDN
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Ban QTDN
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Ban QTDN
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	Ban TCKH
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Ban QTDN/NSHC

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Ban TCKH/HSNC/PC TT & QTRR
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Ban TCKH/PC TT & QTRR
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Ban QTDN
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Ban QTDN
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Ban QTDN
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Ban QTDN
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất)	Ban QTDN/TCKH
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Ban QTDN
22	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Ban QTDN
23	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Ban QTDN
24	Công bố thông tin theo yêu cầu(*):	Các ban liên quan
24.1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	

Stt	Nội dung chính Công bố thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
24.2	Khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	
25	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC	

(*) Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).



III. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú	Bộ phận cung cấp thông tin
1	Công bố thông tin Báo cáo tài chính khi Công ty thay đổi kỳ kế toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Ban TCKH
2	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.			Ban QTDN
3	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.		Ban QTDN

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú	
4	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu				Ban QTDN
4.1	Công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ điểm 4.2 dưới đây)	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.		Ban QTDN
4.2	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.		Ban QTDN
5	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính công ty làm tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	- Thông báo cho chủ nợ - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Tổng công ty lưu ký và bù		Ban QTDN

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú	
			trừ chứng khoán Việt Nam; - Website Công ty.		
6	Công bố thông tin về: Điều lệ, lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty, ngành nghề kinh doanh, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,...		- Website Công ty		Ban NSHC
7	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Luật Doanh nghiệp				

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo khi trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu.
2	Tổ chức, cá nhân công bố thông tin và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày không còn là cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	- Quy định 1, 2, 3 theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
3	Cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty công bố thông tin và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	

2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Stt	Nội dung	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
	nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)			
2	Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch hoặc hết thời hạn dự kiến giao dịch (30 ngày). Trường hợp hết thời hạn dự kiến giao dịch nhưng chưa giao dịch hết khối lượng đăng ký thì người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ phải giải trình nguyên nhân.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo)	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC